

KẾT QUẢ THI LẠI KHỐI 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	SBD	Họ và tên	LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH CÁC MÔN HỌC SAU THI LẠI																$x \geq 5.0$	$3.5 \leq x < 5$	$x < 3.5$	KQ	Ghi chú
				Công nghệ - CN	Công nghệ - NN	Địa lí	GDQP AN	Giáo dục địa phương	Giáo dục KT & PL	Giáo dục thể chất	HD trải nghiệm, hướng nghiệp	Hóa học	Lịch sử	Ngữ Văn	Sinh học	Tiếng Anh	Tin học	Toán	Vật lí					
1	10000016	Nguyễn Thiên Thảo Ân	10A1		7.7	5	7.7	Đ		Đ	Đ	3.8	5.3	5.8		4.1		3.9	5	6	3	0	Lên lớp	
2	10000020	Hồ Gia Bảo	10A1		7.7	5.2	7.4	Đ		Đ	Đ	3.7	5.8	5.9		3.6		2.8	4.4	5	3	1	Ở lại	Không thi
3	10000041	H' Cúi Ktla	10A1		6.1	3.4	7.2	Đ		Đ	Đ	3	4.7	5.7		4.1		2.4	4.2	3	3	3	Ở lại	Không thi
4	10000077	Hoàng Trung Hải	10A1		7.9	5	7.3	Đ		Đ	Đ	4.1	5.7	5.3		4.4		5.5	4.7	6	3	0	Lên lớp	Vắng: Vật lí
5	10000099	Nguyễn Tấn Hoàng	10A1		7.7	5.5	7.3	Đ		Đ	Đ	5.2	6.8	5.7		4.8		7	5.2	8	1	0	Lên lớp	
6	10000102	H Huệ Ktla	10A1		8	5.1	7.1	Đ		Đ	Đ	3.5	6.6	5		4.6		5	4.4	6	3	0	Lên lớp	
7	10000108	H Huyền Ktla	10A1		7.8	3.7	6.8	Đ		Đ	Đ	3.8	5.1	3.5		3		2.5	3	3	3	3	Ở lại	
8	10000136	Y Lika Ktla	10A1		7.8	3.8	7.2	Đ		Đ	Đ	3.3	5.2	5		4		4.2	2	4	3	2	Ở lại	
9	10000142	Nguyễn Hoàng Nhật Long	10A1		7	5	7.2	Đ		Đ	Đ	4	5.2	5		4.2		5	4.2	6	3	0	Lên lớp	Vắng: Tiếng Anh, Vật lí
10	10000172	H' Nawı Buôn Krông	10A1		7.7	5	7	Đ		Đ	Đ	3.6	5.6	5.5		5.3		3.5	3.8	6	3	0	Lên lớp	
11	10000202	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10A1		8.4	6	7.9	Đ		Đ	Đ	4.7	6.8	6.1		4.8		5	4.9	6	3	0	Lên lớp	
12	10000209	H Nạp Ktla	10A1		7.2	5	6.9	Đ		Đ	Đ	5	5	5.5		3.7		3.5	3.8	6	3	0	Lên lớp	
13	10000210	H Nئين Mlô	10A1		7.6	5.2	7.6	Đ		Đ	Đ	4.2	5.8	6.1		6.7		4	4	6	3	0	Lên lớp	
14	10000229	Lý Nhật Đăng Quang	10A1		7.8	5.1	7.1	Đ		Đ	Đ	4.7	5.8	7.2		4		5	4.7	6	3	0	Lên lớp	
15	10000255	Phạm Duy Tân	10A1		7.3	5	6.8	Đ		Đ	Đ	5	5.5	3.5		4.3		5	4.2	6	3	0	Lên lớp	
16	10000293	Hứa Thị Thu Trang	10A1		8	5	7.4	Đ		Đ	Đ	5	6.1	6.4		4.5		3.9	4.6	6	3	0	Lên lớp	
17	10000317	Triệu Quốc Tuấn	10A1		6.6	4.3	6.8	Đ		Đ	Đ	3.8	5.3	3.5		4		3.5	4.3	3	6	0	Ở lại	
18	10000321	Võ Hoàng Gia Tuệ	10A1		7.8	3	7	Đ		Đ	Đ	3	5.4	5.7		3.8		2.5	3.5	4	2	3	Ở lại	Vắng: Tiếng Anh
19	10000347	Y Yu Ki Niê	10A1		6.1	3	5	Đ		Đ	Đ	3.3	4.5	1		3.7		2	3	2	2	5	Ở lại	
20	10000069	Trần Gia Huy	10A2	6.3		5.4	7.3	Đ	5.7	Đ	Đ		6.3	4.9		4.3		4.1	3.5	5	4	0	Ở lại	Vắng: Ngữ văn
21	10000150	Y Ly Phan Bkrông	10A2	5.7		5.1	6.8	Đ	5.5	Đ	Đ		5.2	5		4		3.8	3.5	6	3	0	Lên lớp	
22	10000169	H My La Niê	10A2	5		5	7.1	Đ	5	Đ	Đ		5.3	5.5		4.5		4.3	3.6	6	3	0	Lên lớp	
23	10000188	Dương Đình Nhật	10A2	6.2		5	7.6	Đ	5.6	Đ	Đ		5.2	5		4.5		5	3.5	7	2	0	Lên lớp	
24	10000241	H Quỳnh Knul	10A2	6		5.8	6.8	Đ	5.6	Đ	Đ		5.1	4.1		2		4.3	1.8	5	2	2	Ở lại	
25	10000244	H Salin Ayun	10A2	5.6		5.2	6.7	Đ	6	Đ	Đ		5.4	5.3		4.2		4	3.5	6	3	0	Lên lớp	
26	10000254	Hoàng Nhật Tân	10A2	5.8		5.5	7.2	Đ	5.6	Đ	Đ		5.3	4		2.3		3.9	2.8	5	2	2	Ở lại	
27	10000256	Y Thang Ayũn	10A2	6		5.2	6.7	Đ	6.2	Đ	Đ		5.9	5.8		3.8		4.1	3.5	6	3	0	Lên lớp	
28	10000259	H Thao Bkrông	10A2	2.8		2	6.1	Đ	3.7	Đ	Đ		3.7	0.5		3		2.5	4	1	3	5	Ở lại	
29	10000318	Y Tuấn Bkrông	10A2	3.6		5.3	6.1	Đ	5	Đ	Đ		4.5	2.5		3.6		2.5	3	3	3	3	Ở lại	

STT	SBD	Họ và tên	LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH CÁC MÔN HỌC SAU THI LẠI																$x \geq 5.0$	$3.5 \leq x < 5$	$x < 3.5$	KQ	Ghi chú
				Công nghệ - CN	Công nghệ - NN	Địa lí	GDQP AN	Giáo dục địa phương	Giáo dục KT & PL	Giáo dục thể chất	HD trải nghiệm, hướng nghiệp	Hóa học	Lịch sử	Ngữ Văn	Sinh học	Tiếng Anh	Tin học	Toán	Vật lí					
30	10000328	H Vian Ayũn	10A2	5.6		5.3	6.9	Đ	6.1	Đ	Đ		6.2	5.4		4.2		3.8	3.5	6	3	0	Lên lớp	
31	10000066	Trần Nguyên Đăng	10A3			5.5	6.8	Đ	5.2	Đ	Đ		5.1	4.2		1.3	5.5	3.9	2.5	5	2	2	Ở lại	
32	10000079	Y Hằng Khánh Ktla	10A3			5	7.1	Đ	5	Đ	Đ		4	4.1		4	6	2.8	2.5	4	3	2	Ở lại	
33	10000098	Nguyễn Huy Hoàng	10A3			5.6	7.2	Đ	5.7	Đ	Đ		5.6	5.2		3.7	5.4	4.1	4.1	6	3	0	Lên lớp	
34	10000109	Hoàng Gia Hưng	10A3			4.8	7.3	Đ	5.3	Đ	Đ		5.6	3.8		5.7	5.2	4	5	6	3	0	Lên lớp	
35	10000120	Nguyễn Nguyên Khang	10A3			5.9	6.9	Đ	6.1	Đ	Đ		6.2	6.1		4.7	6	4.5	3.7	6	3	0	Lên lớp	
36	10000187	Cao Hoàng Minh Nhật	10A3			5.6	7	Đ	6.3	Đ	Đ		5.7	5.2		4.7	5.5	4.1	3.5	6	3	0	Lên lớp	
37	10000189	Nguyễn Hồng Nhật	10A3			4.9	6.9	Đ	4.9	Đ	Đ		5.1	2.5		3.7	4.2	2.7	3.3	2	4	3	Ở lại	Vắng: Địa lí, GDKTPL, Toán
38	10000197	Nguyễn Trần Gia Nhi	10A3			5.8	7.7	Đ	6.6	Đ	Đ		5.9	5		4	5.5	4.8	3.5	6	3	0	Lên lớp	
39	10000217	Trần Hoàng Phi	10A3			4.6	7.4	Đ	5.5	Đ	Đ		5	5		3	4.5	4.3	2.8	4	3	2	Ở lại	
40	10000331	Đậu Hoàng Vũ	10A3			5.2	7.2	Đ	6.1	Đ	Đ		5.6	6		5.7	5.2	3.5	4.3	7	2	0	Lên lớp	
41	10000335	Nguyễn Thanh Vũ	10A3			5.4	7.2	Đ	6.9	Đ	Đ		5.6	4.4		5	6.2	3.6	4	6	3	0	Lên lớp	
42	10000036	Nông Thanh Chiêu	10A4	6.3		5.6	7.3	Đ		Đ	Đ		5.5	5.5		3.7	5.9	3.5	3.5	6	3	0	Lên lớp	
43	10000085	Đinh Trần Bảo Hân	10A4	5.5		5.8	7.3	Đ		Đ	Đ		6.3	3.5		7.7	6	3.9	3.9	6	3	0	Lên lớp	
44	10000153	Triệu Duy Mạnh	10A4	4		4.4	7.6	Đ		Đ	Đ		5.3	3		3.1	5	2.9	3.8	3	3	3	Ở lại	Không thi
45	10000191	Bùi Nữ Yến Nhi	10A4	5.9		6	7.6	Đ		Đ	Đ		6	5		3.5	5.7	4.4	5	7	2	0	Lên lớp	Vắng: Tiếng Anh
46	10000258	Trần Cao Thanh	10A4	7		7.8	8	Đ		Đ	Đ		6.8	6.4		5.1	8	5	4.6	8	1	0	Lên lớp	
47	10000294	Nguyễn Thị Yến Trang	10A4	4.3		5.7	7.1	Đ		Đ	Đ		6.2	4		3.7	5.1	5	5	6	3	0	Lên lớp	
48	10000336	Trần Đức Huy Vũ	10A4	5.2		5.4	7.1	Đ		Đ	Đ		6	5.5		3.7	7	4	3.8	6	3	0	Lên lớp	
49	10000035	Dương Quốc Chí	10A5	5.6			7	Đ	5.3	Đ	Đ	3.8	5.4	3.5		3.7	5	5		6	3	0	Lên lớp	
50	10000067	H - Đim Niê	10A5	5.8			6.7	Đ	6.3	Đ	Đ	3.7	5.7	5.9		3.7	5.9	4		6	3	0	Lên lớp	
51	10000068	Phạm Minh Đức	10A5	6.8			7	Đ	7.3	Đ	Đ	5.2	6.8	5.7		6.7	7.1	4.3		8	1	0	Lên lớp	
52	10000074	Y Gool Niê	10A5	5.6			6.5	Đ	5.3	Đ	Đ	4.8	5.8	5		3.7	5	3.5		6	3	0	Lên lớp	
53	10000088	Mai Gia Hân	10A5	5.7			6.2	Đ	5.6	Đ	Đ	3.6	4.3	1		3.7	6.9	3.5		4	4	1	Ở lại	
54	10000106	Trần Anh Huy	10A5	5.1			6.6	Đ	5.5	Đ	Đ	4.4	5.8	3.5		1.7	6.6	3.3		5	2	2	Ở lại	
55	10000125	Nguyễn Trần Đăng Khoa	10A5	5.4			5.8	Đ	5.5	Đ	Đ	3.5	6.3	2		2.3	5	2.3		5	1	3	Ở lại	
56	10000143	Võ Hùng Phi Long	10A5	4.4			5.5	Đ	3.8	Đ	Đ	3	5	3.8		3.7	3.9	4.5		2	6	1	Ở lại	Vắng: GDKTPL
57	10000154	Cao Liêm Minh	10A5	5.2			5.9	Đ	6	Đ	Đ	3.9	5	4.7		3.7	6.3	5		6	3	0	Lên lớp	
58	10000185	Phạm Cao Hải Nguyên	10A5	5			7	Đ	4	Đ	Đ	4.3	5.3	4.4		2	6.3	4.1		4	4	1	Ở lại	
59	10000268	Nguyễn Gia Thiện	10A5	6.6			7.9	Đ	6.7	Đ	Đ	4.3	6.3	4.9		5.3	5.8	3.8		6	3	0	Lên lớp	
60	10000005	Hoàng Tuấn Anh	10A6	6.7			7.5	Đ		Đ	Đ	4	6	5	6.4	3.9		5	5	7	2	0	Lên lớp	
61	10000022	Nguyễn Trung Bảo	10A6	5.5			7	Đ		Đ	Đ	3.7	5.1	4	4.9	5		5.8	5.1	6	3	0	Lên lớp	
62	10000049	Trần Hoàng Anh Duy	10A6	5.9			6.6	Đ		Đ	Đ	5.5	5.8	5.3	6.4	4.3		9.8	4.5	7	2	0	Lên lớp	

STT	SBD	Họ và tên	LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH CÁC MÔN HỌC SAU THI LẠI																$x \geq 5.0$	$3.5 \leq x < 5$	$x < 3.5$	KQ	Ghi chú
				Công nghệ - CN	Công nghệ - NN	Địa lí	GDQP AN	Giáo dục địa phương	Giáo dục KT & PL	Giáo dục thể chất	HD trải nghiệm, hướng nghiệp	Hóa học	Lịch sử	Ngữ Văn	Sinh học	Tiếng Anh	Tin học	Toán	Vật lí					
63	10000053	Nguyễn Hân Vĩ Dy	10A6	5.8			6.6	Đ		Đ	Đ	5	6	5.6	6.2	4		3.7	3.5	6	3	0	Lên lớp	
64	10000122	Trần Bảo Khanh	10A6	6.5			7.1	Đ		Đ	Đ	3.6	5.6	5.3	5.9	3.7		5	3.9	6	3	0	Lên lớp	
65	10000126	Hoàng Anh Khôi	10A6	5.9			6.6	Đ		Đ	Đ	3.5	5.6	2.5	5.1	2.7		4	4	4	3	2	Ở lại	
66	10000161	Đinh My Na Ktla	10A6	5.9			7.2	Đ		Đ	Đ	5	5.9	6	5.5	3.7		3.8	4.9	6	3	0	Lên lớp	
67	10000180	Nguyễn Thế Ngọc	10A6	5.4			6.6	Đ		Đ	Đ	3.8	5.4	3.9	5.2	4		5	5.2	6	3	0	Lên lớp	
68	10000182	Đặng Hoàng Khôi Nguyên	10A6	6.4			7.4	Đ		Đ	Đ	5.5	5.7	5	5.9	5.3		3.8	4.5	7	2	0	Lên lớp	
69	10000184	Nguyễn Lâm Khải Nguyên	10A6	7.1			7.1	Đ		Đ	Đ	4.6	5.9	5.3	6.8	4.3		5.3	6	7	2	0	Lên lớp	
70	10000194	Nguyễn Thị Yến Nhi	10A6	5.4			6.6	Đ		Đ	Đ	4	6.4	6.3	5.5	3.8		3.1	4.4	5	3	1	Ở lại	Không thi
71	10000216	Nguyễn Nam Phi	10A6	5.7			6.6	Đ		Đ	Đ	4.3	6	5.5	5.7	3.8		4.4	5.2	6	3	0	Lên lớp	
72	10000221	Nguyễn Quốc Thiên Phú	10A6	6.7			6.4	Đ		Đ	Đ	5.5	5.2	4.5	5.3	4.3		4.8	5.2	6	3	0	Lên lớp	
73	10000223	Nguyễn Hồng Phúc	10A6	6.7			6.8	Đ		Đ	Đ	4.5	5.9	5	5.8	5.7		4	4.6	6	3	0	Lên lớp	
74	10000252	Trần Vũ Tấn Tâm	10A6	6			6.2	Đ		Đ	Đ	2.5	6.3	3.5	4.9	4.3		3.3	4.1	3	4	2	Ở lại	
75	10000269	Võ Chí Thiện	10A6	4.1			5.7	Đ		Đ	Đ	3.8	5.2	3.5	4.1	2		3.5	3.6	2	6	1	Ở lại	
76	10000270	Y Thoang Niê	10A6	4.2			5.8	Đ		Đ	Đ	1.7	3.1	2.8	4.3	1.9		2.8	2.7	1	2	6	Ở lại	Không thi
77	10000276	Nguyễn Đình Mai Thủy	10A6	6.4			6.7	Đ		Đ	Đ	4	6.9	5.9	5.9	4.1		5.5	4.8	6	3	0	Lên lớp	
78	10000300	Nguyễn Thuỳ Bảo Trân	10A6	6.4			6.9	Đ		Đ	Đ	3	5.3	5.9	5.1	3		2.8	4.7	5	1	3	Ở lại	
79	10000337	Nguyễn Hùng Vương	10A6	6.3			7.6	Đ		Đ	Đ	5.7	5.8	6.1	6.1	4.2		3.5	4.8	6	3	0	Lên lớp	
80	10000032	Trần Minh Bảo Châu	10A7				6.9	Đ		Đ	Đ	3.6	5.4	2.5	4.7	1.7	4.3	3	3	2	3	4	Ở lại	
81	10000310	Nguyễn Nhật Trường	10A7				7.4	Đ		Đ	Đ	5.3	5.7	5.6	5.3	7.3	5.3	3.5	6.5	8	1	0	Lên lớp	
82	10000343	Tổng Triệu Vỹ	10A7				8.4	Đ		Đ	Đ	3.6	5.8	5.5	5.7	3.9	5.2	3.5	6.8	6	3	0	Lên lớp	
83	10000097	Nguyễn Minh Hoan	10A8				7.2	Đ		Đ	Đ	2.8	4.5	3.9	4.8	4.3	6.8	3	3.3	2	4	3	Ở lại	
84	10000214	Nguyễn Tiến Phát	10A8				7.7	Đ		Đ	Đ	3.8	6.5	6.2	6.5	4.9	5.6	6.5	4.5	6	3	0	Lên lớp	
85	10000219	Hồ Đại Phú	10A8				8.3	Đ		Đ	Đ	5	7.8	6.9	6.1	3.8	5.5	3.8	4	6	3	0	Lên lớp	
86	10000267	Hà Phước Thiện	10A8				7.1	Đ		Đ	Đ	6	6.7	6.5	5.8	4.2	6.1	3.6	4.1	6	3	0	Lên lớp	
87	10000339	Hoàng Nữ Phương Vy	10A8				7.4	Đ		Đ	Đ	4.3	6.1	6.6	5.4	3.8	7.1	3.3	4.7	5	3	1	Ở lại	Không thi

Danh sách này có: 87 học sinh